

ĐỀ XUẤT CẢI CÁCH THỦ TỤC ĐỐI VỚI VIỆC LẬP HÓA ĐƠN, HỒ SƠ THUẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ THUẾ LIÊN QUAN

Trình bày
Nhóm Công tác Thuế VBF

I. LẬP HÓA ĐƠN

1. NHỮNG THỦ TỤC MỚI LIÊN QUAN TỚI HÓA ĐƠN

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Nghị định này nhằm cụ thể hóa một số điều khoản liên quan tới hóa đơn của Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02/06/2010 về đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính cho giai đoạn đầu tiên của Đề án 30.

1.1 Bối cảnh

Ưu điểm của việc cho phép doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in

Theo Nghị định 51, từ năm 2011 trở đi, các cơ quan thuế sẽ bị hạn chế trong việc phát hành và bán hoá đơn theo mẫu của Bộ Tài chính cho doanh nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp phải mua hoá đơn "đỏ" chính thức từ các cơ quan thuế (trường hợp thông thường) hoặc xin phê duyệt để sử dụng hoá đơn tự in. Thay vào đó, theo Nghị định 51 tất cả các doanh nghiệp phải sử dụng hoá đơn tự in theo một trong các hình thức sau: (i) hóa đơn được in ra từ máy in của doanh nghiệp (ii) hoặc hoá đơn được in bởi tổ chức in ấn đủ điều kiện (iii) hoặc hoá đơn điện tử theo Luật Giao dịch điện tử.

Quy định này là một cải tiến đáng kể trong thủ tục hành chính ở Việt Nam vì nó giúp doanh nghiệp giảm bớt nhiều bước tốn thời gian liên quan đến việc xin mua hoá đơn của cơ quan thuế, và tránh sự chậm trễ không mong đợi khi có nhu cầu mua hoá đơn lớn hay khi có rất nhiều hồ sơ xin phê duyệt việc sử dụng hoá đơn tự in. Các doanh nghiệp nói riêng giờ đã có một số linh hoạt trong việc sử dụng các hóa đơn tự in để phục vụ mục đích tuyên truyền, quảng bá của mình như in thêm biểu tượng công ty, khẩu hiệu... lên hoá đơn tự in.

1.2. Các vấn đề còn tồn tại

Khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ

Bên cạnh những lợi thế đáng kể như đã đề cập ở trên, nguy cơ/khó khăn tiềm ẩn cho các doanh nghiệp là sự gia tăng các chi phí và tính phức tạp, đặc biệt là cho các doanh nghiệp nhỏ, thích sử dụng hoá đơn do Bộ Tài chính phát hành do nhu cầu các hóa đơn không đáng kể, và những doanh nghiệp không muốn đầu tư vào máy in hoá đơn hoặc đăng ký với các tổ chức in ấn đủ điều kiện.

Đặc biệt, đối với một số doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê văn phòng của các hộ gia đình, cá nhân mà phải thay đổi thường xuyên, có thể họ sẽ mất thời gian với hoá đơn tự in khi phải hủy bỏ hoá đơn chưa sử dụng và in/đăng ký một mẫu hóa đơn mới với địa chỉ văn phòng được thay đổi.

Người nộp thuế sẽ phải chịu rủi ro cao hơn nếu các quy định thuế không phù hợp với các quy định về hóa đơn.

Theo quy định hiện hành về Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") và thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), các hoá đơn do doanh nghiệp tạm nghỉ kinh doanh (decamping

enterprises) phát hành sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và khấu trừ thuế TNDN. Danh sách các doanh nghiệp này và hóa đơn do họ phát hành sẽ được Tổng Cục Thuế công bố (“TCT”). Tuy nhiên, với những quy định mới (nghĩa là các doanh nghiệp được tự in hóa đơn), sẽ có nhiều hóa đơn của các doanh nghiệp tạm nghỉ kinh doanh (decamping enterprises) hơn trên thị trường, và điều này gây khó khăn cho TCT trong việc cập nhật danh sách doanh nghiệp và đồng thời khó khăn cho cả người nộp thuế trong việc cập nhật/ theo dõi các hóa đơn này. Theo đó, nếu các quy định về thuế không có sự thay đổi tương ứng (ví dụ như các hóa đơn tự in sẽ được khấu trừ nếu thỏa mãn một số điều kiện nhất định), người nộp thuế sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn đối với các chi phí thực tế bị từ chối bởi các cơ quan thuế.

2. BẢO MẬT HÓA ĐƠN

Doanh nghiệp lo ngại rằng họ có thể phải đối mặt với những thách thức từ các cơ quan thuế liên quan đến hoá đơn giả mạo mà doanh nghiệp không thể tự xác minh tính hợp pháp. Do đó việc thiết lập các biện pháp để bảo mật hoá đơn ở mức cao là điều quan trọng. Các thủ tục về hoá đơn tự in phải rõ ràng.

3. HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Việc các công ty được phép sử dụng hóa đơn điện tử là một bước tiến đáng hoan nghênh và cần thiết nếu Việt Nam muốn phát triển thương mại điện tử. Hóa đơn điện tử rất có lợi cho các công ty có số lượng lớn các giao dịch với giá trị thấp. Nhưng hiện tại Nghị định 51 không có hướng dẫn về hoá đơn điện tử. Mặt khác, nếu hóa đơn điện tử được áp dụng trên thực tế, sự quản lý của một số cơ quan chức năng có liên quan là rất cần thiết. Ví dụ trong trường hợp đối với hàng hoá vận chuyển hiện nay đòi hỏi phải có hóa đơn đi kèm nhưng trong chế độ hóa đơn điện tử không có hoá đơn bằng giấy. Ngoài ra việc lập hoá đơn điện tử sẽ yêu cầu con dấu điện tử được phê chuẩn bởi cơ quan chức năng khác. Vì vậy, cần phải có sự đồng thuận của nhiều cơ quan chức năng để hiện thực hóa việc áp dụng hóa đơn điện tử. Trong trường hợp này theo quan điểm của chúng tôi cần có một cơ quan để quy định và giám sát tất cả các vấn đề liên quan đến hoá đơn điện tử.

4. TÍCH HỢP VỚI HỆ THỐNG HÓA ĐƠN TOÀN CẦU

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang và sẽ áp dụng hệ thống hóa đơn điện tử tập trung (toàn cầu) cho hoạt động hàng ngày tại Việt Nam. Thông qua khảo sát các quy định hiện hành về hóa đơn tại Việt Nam, các doanh nghiệp này thường phải đối mặt với một số rào cản không dễ vượt qua như:

- Phiếu tín dụng (tín dụng ghi nhớ): theo thông lệ, phiếu tín dụng thường được sử dụng trong trường hợp người mua phải trả lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa cho người bán, hoặc người bán phải giảm giá hàng hóa do chất lượng hàng hóa không phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng được giao kết. Trên thực tế, đây là một loại hóa đơn có giá trị âm mà người bán phát hành cho người mua để giảm lượng hóa đơn. Tuy nhiên, hóa đơn ghi giá trị âm và cả phiếu tín dụng vẫn không được phép sử dụng theo quy định tại Nghị định 51 và Thông tư 153. Thay vào đó, người bán trong một số trường hợp sẽ phải phát hành hóa đơn sửa đổi (vẫn phải ghi số dương), hoặc người mua sẽ phát hành hóa đơn ngược lại cho người bán.

Điều này sẽ gây rất nhiều khó khăn khi tham gia vào hệ thống hóa đơn tập trung toàn cầu vì hệ thống đó có thể không thể xử lý được một hóa đơn ghi số dương để làm giảm/ điều chỉnh một hóa đơn đã được phát hành trước đó. Vì vậy, phiếu tín dụng nên được xem xét để áp dụng thực tế và được ghi nhận trong các quy định pháp luật về hóa đơn tiếp theo.

- Hóa đơn nhiều trang: trong nhiều trường hợp, số lượng các hàng hóa hoặc dịch vụ nhiều hơn số dòng của một hóa đơn. Để giải quyết vấn đề này, Nghị định 51 và Thông tư 153 chấp nhận việc phát hành nhiều hóa đơn hoặc đính kèm theo hóa đơn chính bản kê các mặt hàng, dịch vụ. Mặc dù đây là những giải pháp có thể chấp nhận được, nhưng chúng vẫn gây ra rất nhiều khó khăn, nhất là đối với hệ thống hóa đơn tích hợp. Có nhiều trường hợp danh mục hàng hóa nên được ghi trong một hóa đơn duy nhất (phục vụ cho quản lý nội bộ hoặc theo yêu cầu của khách hàng, ...), và việc sử dụng hóa đơn nhiều trang có thể giải quyết được yêu cầu này mà không gây ra nhiều khó khăn. Vì vậy, hóa đơn nhiều trang nên được chấp nhận và ghi nhận trong các quy định tiếp theo.

IV. DỊCH VĂN BẢN THUẾ SANG TIẾNG VIỆT

Đáng lưu ý là Nghị quyết 25 quy định một thay đổi rất hữu ích liên quan đến tài liệu cần thiết để xin miễn, giảm thuế theo các Điều ước quốc tế. Chỉ có các phần có liên quan đến thuế và các phần khác theo yêu cầu của cơ quan thuế mới phải dịch sang tiếng Việt chứ không phải là toàn bộ tài liệu, tài liệu gốc được đính kèm.

Điều này sẽ làm giảm chi phí tuân thủ quy định pháp luật và hỗ trợ người nộp thuế nếu nguyên tắc này có thể được áp dụng cho các tài liệu cần thiết khác trong hồ sơ thuế. Ví dụ để đăng ký một hợp đồng với nhà thầu nước ngoài (yêu cầu trong một thời gian ngắn là 10 ngày kể từ khi ký hợp đồng) việc dịch toàn bộ hợp đồng có thể mất thời gian, đặc biệt khi mà tài liệu dài và bao gồm các thuật ngữ kỹ thuật mà có thể rất khó để dịch ra tiếng Việt nhưng không ảnh hưởng đến việc xử lý thuế.

III. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ

Thời hạn hiện hành để hoàn tất việc nộp tờ khai quyết toán thuế đang gây ra một số khó khăn cho đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp.

Theo quy định quản lý thuế hiện hành, đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp phải nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm theo dương lịch hoặc kết thúc năm tài chính. Sau khi kết thúc năm, các công ty, đặc biệt là các tổng công ty lớn (tập đoàn), sẽ mất rất nhiều thời gian để tập hợp và hoàn chỉnh dự thảo báo cáo hàng năm. Và sau đó, cũng sẽ mất thêm khá nhiều thời gian để các kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán, thảo luận với công ty, sửa đổi dự thảo báo cáo và hoàn tất báo cáo kiểm toán. Ngoài ra, các công ty kết thúc năm tài chính của mình theo dương lịch cũng sẽ bị mất ít nhất một tuần trong dịp Tết Nguyên Đán.

Theo quy định về Thuế thu nhập doanh nghiệp, việc khai thuế phải được chuẩn bị trên cơ sở của báo cáo kiểm toán, tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, báo cáo kiểm toán sẽ không thể có được trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm, đặc biệt là đối với các tập đoàn lớn có nhiều công ty con. Như vậy, nhiều đối tượng nộp thuế là các tập đoàn lớn sẽ không có đủ thời gian để chuẩn bị tờ khai quyết toán thuế theo đúng quy định. Và khi chưa có báo cáo kiểm toán chính thức, họ phải nộp tờ khai đó trên cơ sở của dự thảo báo cáo kiểm toán và nộp bản được chỉnh sửa sau đó. Sự bất tiện này có thể được giải quyết nếu thời hạn được kéo dài trong một khoảng thời gian hợp lý hơn, ví dụ, 150 ngày.

IV. NĂM THUẾ

Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành quy định giai đoạn cơ sở để xác định năm khai thuế có thể là dương lịch hoặc năm tài chính. Tuy nhiên, hiện không có

hướng dẫn cụ thể việc định nghĩa thế nào là giai đoạn cơ sở và năm thuế. Ví dụ, cả người nộp thuế và cơ quan thuế có thể gặp khó khăn trong việc xác định năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2008 tới ngày 30 tháng 09 năm 2009 là năm thuế 2008 hay năm thuế 2009.

Theo Công văn của Tổng Cục thuế (“TCT”), giai đoạn trên sẽ được xác định là năm thuế 2008 (tức là dựa trên ngày bắt đầu năm tài chính). Tuy nhiên, vẫn đề có thể nảy sinh nếu công ty mới được thành lập (ví dụ từ 01/02/2008). Và như vậy, sẽ có thể có 2 năm thuế 2008 trong ví dụ trên. Trong các quy định về thuế của các quốc gia khác như Singapore, năm thuế được xác định dựa trên sự kết thúc của năm tài chính, vì vậy trong ví dụ nêu trên, giai đoạn từ 01/02/2008 tới 30/09/2008 sẽ được xác định là năm thuế 2008, và từ 01/10/2008 tới 30/09/2009 sẽ là năm thuế 2009.

Việc xác định khoảng thời gian cơ sở và năm tính thuế đóng vai trò rất quan trọng đối với việc xác định khoảng thời gian được miễn thuế

V. KẾT CHUYỂN LỖ

Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC về Thuế TNDN, các khoản lỗ phải được kết chuyển một cách liên tục. Hiện không có hướng dẫn cụ thể về “tính liên tục”; nhưng theo hướng dẫn gần đây của Bộ Tài chính (trong Công văn 7250 ngày 07/06/2010), khoản lỗ phải được kết chuyển tới bất kỳ năm lợi nhuận nào tiếp sau năm có khoản lỗ đó (thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm). Quy định này sẽ khó áp dụng cho trường hợp người nộp thuế được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo chế độ ưu đãi thuế. Trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể, có thể hiểu các khoản lỗ sẽ phải được khấu trừ vào lợi nhuận của bất kỳ năm có lợi nhuận nào, bao gồm cả năm được miễn thuế.

Điều này sẽ có tác động lớn tới các dự án/ kế hoạch kinh doanh của nhiều người nộp thuế. Đồng thời cũng có thể làm giảm giá trị của các ưu đãi về thuế mà Chính phủ đã quy định trong các văn bản trước đó và hạn chế riêng việc sử dụng lỗ tính thuế, một tài sản hợp pháp của công ty. Chúng tôi đề xuất rằng yêu cầu về “tính liên tục” của khoản lỗ được đề cập trong Công văn 7250 nên được hủy bỏ, và người nộp thuế được phép sử dụng khoản lỗ tính thuế theo ý của mình, miễn là chỉ trong đúng thời hạn 5 năm.

VI. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC THEO QUY ĐỊNH THUẾ HIỆN HÀNH

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí quảng cáo và khuyến mãi

- Quảng cáo và khuyến mãi là những chi phí thực tế của công ty, và như vậy nếu có giấy tờ hợp lệ về các chi phí này thì chúng nên được khấu trừ đầy đủ. Hạn mức hiện tại là 10% (15% cho các công ty mới thành lập) trong nhiều trường hợp là quá thấp so với vốn giải ngân thực tế của công ty và do đó nên loại bỏ hoặc tăng giới hạn nêu trên.
- Trong nhiều trường hợp, chi phí quảng cáo và khuyến mãi phát sinh cho cả tập đoàn mà không phải là cho một công ty riêng lẻ. Tuy nhiên, mức 10% chỉ có thể được áp dụng đối với một công ty. Vì vậy có một số lựa chọn có thể xem xét, ví dụ, trong trường hợp một công ty phải chịu các chi phí quảng cáo và khuyến mãi cho cả tập đoàn, mức tính trên sẽ được tính vào chi phí của cả tập đoàn

Thu nhập khác

Các biện pháp hiện tại (2009) áp dụng đối với một số lĩnh vực như lãi suất, lãi/ lỗ ngoại tệ chưa thực sự phù hợp.

- Ví dụ, theo Công văn 7250, chi phí lãi vay và thu nhập có thể được bù trừ

- Nếu số còn lại là một khoản lãi, khoản lãi đó sẽ được xử lý như các loại thu nhập khác (không áp dụng các ưu đãi trong trường hợp này)
 - Nếu số còn lại là một khoản lỗ, khoản lỗ đó sẽ được xử lý như đối với các chi phí hoạt động (được khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế và các ưu đãi (nếu có) có thể được áp dụng)
- Thu nhập lợi tức và chi phí lãi vay, lãi và lỗ ngoại tệ... nên được coi và xử lý nhất quán như là chi phí trong hoạt động bởi những chi phí này phát sinh có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp.

Các chi phí phải trả

- Theo quy định hiện hành, khi một công ty phát hành hóa đơn GTGT, thông thường, công ty đó phải nhận biết được doanh thu chịu thuế đối với thuế GTGT và thuế TNDN trong khi doanh thu chưa được tính toán. Theo quy định hiện hành, chưa rõ là người nộp thuế có thể tích dồn các chi phí như là chi phí có thể khấu trừ trong năm doanh thu chịu thuế hay không
- Trên thực tế, khi các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ thì nhiều khả năng là sẽ không được khấu trừ. Thậm chí tệ hơn, ngay cả khi các chi phí thực tế phát sinh, cơ quan thuế vẫn có thể không chấp nhận các chi phí có thể khấu trừ này bởi vì chúng không khớp với doanh thu (tức là không tạo ra thu nhập chịu thuế trong năm mà các chi phí đó phát sinh bởi doanh thu đã được tính thuế từ năm ngoái)

Vì vậy, cần có hướng dẫn rõ ràng hơn về việc liệu và làm thế nào để có thể tích dồn các chi phí được khấu trừ.

2. Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”)

Thu nhập phát sinh tại Việt Nam

- Theo quy định về Thuế TNCN hiện hành: “thu nhập phát sinh tại Việt Nam” sẽ phải chịu thuế, tuy nhiên hiện không có định nghĩa rõ ràng về những trường hợp thu nhập được coi là “phát sinh tại Việt Nam”

Việc xử lý thuế của cá nhân thực hiện các dịch vụ độc lập tại Việt Nam

- Theo quy định hiện hành, hiện chưa rõ một cá nhân thực hiện các dịch vụ độc lập tại Việt Nam (ví dụ như dịch vụ, kinh doanh...) sẽ phải chịu thuế thế nào, và làm thế nào để phía Việt Nam khấu trừ thuế từ khoản thanh toán cho anh/ cô ấy
- Trong trường hợp anh/ cô ấy là người cư trú, thì liệu công ty có phải khấu trừ 10% nếu khoản thanh toán vượt quá 500,000VND hoặc khấu trừ thuế suất lũy tiến? Công ty có phải khấu trừ bất kỳ thuế GTGT nào không?
- Trong trường hợp anh/ cô ấy không phải là người cư trú, liệu công ty có phải khấu trừ 10% hoặc chỉ có 5% cho các dịch vụ/ 1% đối với giao dịch/2% đối với các hoạt động khác? Liệu công ty có phải khấu trừ bất kỳ thuế GTGT nào không?
- Những vấn đề này cần được làm rõ trong các quy định sắp tới

Cách xử lý thuế chưa rõ ràng đối với các chi phí mang tính cá nhân hoặc kinh doanh

- Cách thức xử lý một số chi phí có một phần mang tính kinh doanh, một phần mang tính cá nhân mà công ty trả cho các cá nhân là không rõ ràng.

- Ví dụ, trong trường hợp công ty thanh toán chi phí của hội viên golf và thẻ hội viên mang tên của cá nhân một nhân viên, thì các chi phí đó sẽ được tính thuế cho nhân viên đó mặc dù trở thành hội viên chơi golf là phục vụ cho mục đích kinh doanh hơn là mục đích cá nhân.
- Một ví dụ khác là trường hợp xe ô tô được công ty cấp. Theo một quy định gần đây về thuế TNCN, sự phân chia giữa việc sử dụng cá nhân và sử dụng vì mục đích kinh doanh là cần thiết, nhưng lại không có hướng dẫn cụ thể về sự phân chia này.
- Chúng tôi xin đề nghị các cách thức xử lý đối với các vấn đề trên cần được khẳng định rõ hơn trong các văn bản sắp tới.

Yêu cầu tín dụng thuế (tín thuế) tại Việt Nam đối với thuế được nộp ở nước ngoài

- Hiện nay không có hướng dẫn cụ thể nào về thủ tục, phương pháp và cách tính toán cho một cá nhân để yêu cầu các cơ quan thuế Việt Nam cấp tín dụng đối với thuế được nộp ở nước ngoài.
- Do trên thực tế đã có những trường hợp áp dụng tín dụng thuế, chúng tôi đề nghị các cơ quan thuế sớm có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Hoàn thuế

- Hiện nay quy định về thuế TNCN chỉ cho phép các cá nhân đã nộp thừa thuế TNCN có một lựa chọn: yêu cầu hoàn trả tiền thuế TNCN. Quy định thêm về các lựa chọn khác cho người nộp thừa thuế TNCN sẽ tạo ra sự linh hoạt, thuận tiện và phù hợp hơn, chẳng hạn như thực hiện kết chuyển phần thuế nộp thừa để bù đắp sang năm tiếp theo.

3. Thuế Nhà thầu nước ngoài (“FCT”)

Dịch vụ đào tạo ở nước ngoài

- Trước năm 2009, dịch vụ đào tạo được thực hiện ở nước ngoài không phải chịu FCT. Điều này cũng được khẳng định tại Thông tư 134/2008 áp dụng từ năm 2009. Tuy nhiên, gần đây, Tổng Cục thuế đã ban hành hướng dẫn 3962/TCT-CS ngày 06/10/2010, theo đó đào tạo ở nước ngoài phải chịu FCT tại Việt Nam. Điều này không phù hợp với các hướng dẫn trước đó và khiến cho nhà đầu tư/ người nộp thuế có thể nhầm lẫn khi áp dụng quy định về Thuế.

FCT đối với phần mềm

- Theo quy định hiện hành, các sản phẩm phần mềm do các nhà cung cấp nước ngoài cung cấp được miễn thuế GTGT và 1% đối với thuế TNDN (kinh doanh sản phẩm phần mềm)
- Tuy nhiên, Tổng Cục thuế mới ban hành một quyết định quy định:
 - o Nếu phần mềm được sản xuất hàng loạt cho nhu cầu sử dụng của mọi người, sản phẩm đó sẽ được coi như một sản phẩm phần mềm và chịu FCT ở mức 1% thuế TNDN (như kinh doanh)
 - o Nếu phần mềm được sản xuất theo đơn đặt hàng của người mua, nó sẽ được coi như tiền bản quyền và chịu FCT ở mức 10% thuế TNDN (như tiền bản quyền)
- Khi khoảng cách quá lớn, điều này gây ra sự nhầm lẫn trong việc xác định phần mềm nào được coi là sản phẩm sản xuất hàng loạt, phần mềm nào là sản phẩm được sản xuất duy nhất. Ví dụ, một công ty nước ngoài phát triển một phần mềm cho công ty chứng khoán, và bán nó cho công ty ABC với một phiên bản tùy biến theo yêu cầu của công ty ABC, và cũng bán phiên bản giống như vậy cho công ty XYZ vì XYZ có những yêu cầu tương tự, như vậy trong trường hợp này, phần mềm đó có

thể được coi như là phần mềm trong kinh doanh? Cần lưu ý rằng trong cả hai trường hợp, ABC và XYZ chỉ có quyền sử dụng, không có quyền sở hữu đối với phần mềm đó.

FCT đối với hàng hóa nhập khẩu theo điều kiện DDU/DDP

- Thông tư 134 về FCT quy định rằng hàng hóa/ vật liệu/tài sản cố định nhập khẩu sẽ không phải chịu FCT nếu điểm giao hàng là tại một cửa khẩu nước ngoài hoặc cửa khẩu Việt Nam
- Đối với các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ các chi nhánh nước ngoài, các điều kiện và điều khoản chuẩn là DDU hay DDP ở bên người mua. Hàng hóa này được giao tới cửa khẩu Việt Nam và công ty Việt Nam vận chuyển hàng từ cửa khẩu tới vị trí yêu cầu (bên cung cấp nước ngoài không cung cấp bất kỳ dịch vụ nào tại Việt Nam). Hiện không có hướng dẫn cụ thể về việc bên người mua Việt Nam có phải khấu trừ bất kỳ FCT nào tại Việt Nam trong các trường hợp trên hay không. Vì vậy, nên có những hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

4. Thuế giá trị gia tăng

- Thông tư 129/2008/TT-BTC hiện hành định nghĩa các dịch vụ có thể được xử lý như hàng xuất khẩu nếu chúng được cung cấp trực tiếp cho một tổ chức nước ngoài không có P/E và không phải là người nộp thuế GTGT tại Việt Nam.
- Không có hướng dẫn thêm nào về việc liệu các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam có phải thu thập bất kỳ tài liệu nào từ phía tổ chức nước ngoài để chứng minh tổ chức đó không có P/E và không phải là người nộp thuế GTGT tại Việt Nam. Vì vậy, các công ty Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ bị cơ quan thuế từ chối áp dụng mức 0% cho các dịch vụ của công ty đó nếu không có bằng chứng nêu trên.